

Số: 106 /2025/QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày 22 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Phân cấp thẩm quyền quyết định xác lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân; quy định tỷ lệ (mức) khoán chi phí quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính số 56/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 77/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Căn cứ Nghị định số 189/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Xử lý vi phạm hành chính về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 6824/TTr-STC ngày 25 tháng 7 năm 2025;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định phân cấp thẩm quyền quyết định xác lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân; quy định tỷ lệ (mức) khoán chi phí quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định phân cấp thẩm quyền quyết định xác lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thanh Hóa (không bao gồm tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, xe ô tô và tài sản có nguyên giá từ 02 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản trở lên hoặc giá trị đánh giá lại từ 250 triệu đồng/01 tài sản), bao gồm:

a) Thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản đối với tài sản do người có thẩm quyền thuộc phạm vi quản lý của địa phương ra quyết định tịch thu theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP.

b) Thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu và đã có quyết định thi hành án của cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 20 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP.

c) Thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với tài sản do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam theo quy định tại khoản 2 Điều 43 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP.

d) Thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản đối với tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam thông qua chính quyền địa phương theo quy định tại các khoản 4 Điều 47 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP.

2. Quy định tỷ lệ (mức) khoán chi phí quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân trên số tiền thu được từ xử lý tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu, theo quy định tại khoản 3 Điều 97 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao chủ trì quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

3. Cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 19 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

4. Các tổ chức, cá nhân khác liên quan.

Điều 3. Phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản đối với tài sản do người có thẩm quyền thuộc phạm vi quản lý của địa phương ra quyết định tịch thu theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP

Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường: Quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản do đơn vị mình trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tịch thu và tài sản thuộc thẩm quyền của

mình (hoặc người có thẩm quyền thuộc phạm vi quản lý của mình) ra quyết định tịch thu.

Điều 4. Phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu và đã có quyết định thi hành án của cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP

1. Sở Tài chính quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản do cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh và cơ quan thi hành án cấp quân khu chuyển giao.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản do Phòng Thi hành án dân sự khu vực chuyển giao đối với các vụ việc xảy ra trên địa bàn. Đối với tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu mà vụ việc xảy ra trên địa bàn nhiều xã, phường thì giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường nơi có trụ sở Phòng Thi hành án dân sự khu vực phê duyệt phương án xử lý tài sản (trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này).

Điều 5. Phân cấp thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam thông qua chính quyền địa phương theo quy định tại khoản 2 Điều 43 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP

1. Sở Tài chính quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam thông qua các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam thông qua chính quyền cấp xã.

Điều 6. Phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản đối với tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam thông qua chính quyền địa phương theo quy định tại khoản 4 Điều 47 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản đối với tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam thông qua cơ quan, tổ chức, đơn vị mình.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản đối với tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam thông qua chính quyền địa phương thuộc các xã, phường.

Điều 7. Tỷ lệ (mức) khoán chi phí quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân trên số tiền thu được từ xử lý tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu theo quy định tại khoản 3 Điều 97 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP

Mức khoán bằng 40% số tiền thu được từ xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 9. Quy định chuyển tiếp

1. Đối với tài sản là tang vật bị tịch thu sung công quỹ nhà nước do Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (trước khi sắp xếp đơn vị hành chính) quản lý nhưng chưa hoàn thành việc xử lý trước khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản đối với các tài sản tịch thu của các vụ việc phát sinh trên địa bàn.

2. Đối với tài sản là tang vật của người bị kết án bị tịch thu và đã có quyết định thi hành án của cơ quan có thẩm quyền do Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (trước khi sắp xếp đơn vị hành chính) quản lý nhưng chưa hoàn thành việc xử lý trước khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã: Giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đặt trụ sở của Phòng thi hành án dân sự khu vực quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản.

Điều 10. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 10;
- Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh;
- Các Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Báo và Đài Phát thanh - Truyền hình Thanh Hóa;
- Công báo tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KTTC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Thi